

# Nhận thức lý luận của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, ý nghĩa thực tiễn với thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc qua 40 năm đổi mới

PGS, TS. VŨ VĂN HÀ

Nguyên Phó Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản; Email: vuha\_dcsvn@yahoo.com.vn

Nhận ngày 15 tháng 3 năm 2024; chấp nhận đăng tháng 6 năm 2024.

**Tóm tắt:** Trải qua gần 40 năm đổi mới, thực hiện xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn có ý nghĩa lịch sử, tạo ra cơ sở và vị thế mới trên trường quốc tế. Để có được những thành tựu ấy, trước hết và quan trọng là khẳng định sự lãnh đạo với đường lối đúng đắn của Đảng trong gần 40 năm qua, trong đó những phát triển sáng tạo về lý luận xây dựng chủ nghĩa xã hội (CNXH) và con đường đi lên CNXH có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Bài viết này tập trung làm rõ sự sáng tạo lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam, khẳng định ý nghĩa thực tiễn đối với việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Từ khóa:** nhận thức, chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

**Abstract:** Over nearly 40 years of Doi Moi (Renewal), in the process of building and defending the Fatherland, our country has achieved significant historical accomplishments, creating a new stature and position on the international stage. These achievements have been primarily due to the correct and innovative leadership of the Party over the past 40 years, particularly the creative theoretical developments in building socialism and the path to socialism. This article focuses on highlighting the innovative theories about socialism and the path to socialism in Vietnam, affirming the practical significance of implementing the two strategic tasks of building and defending the Fatherland.

**Keywords:** perception, socialism, building and defending the Fatherland.

## 1. Sự sáng tạo, nhận thức rõ hơn nội dung của thời kỳ quá độ

Có thể thấy rằng, sau khi thống nhất đất nước, cả nước cùng bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH, 10 năm trước đổi mới nhận thức của chúng ta vẫn theo tư duy cũ, chưa thấy được thời kỳ quá độ lên CNXH không chỉ là một quá trình lịch sử tương đối dài, mà còn phải trải qua nhiều chặng đường với những bước đi trung gian. Và với tư tưởng nóng vội, chủ quan, duy ý chí, muốn tiến nhanh, tiến mạnh lên CNXH.

Đại hội VI của Đảng, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, Đảng khởi xướng đường lối đổi mới, cụ thể hoá bước đi và xác định rõ tính chất, nội dung của thời kỳ quá độ, khắc phục tư tưởng chủ quan, nóng vội, và khẳng định rõ: □Thời kỳ quá độ ở nước ta do tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội từ một nền sản xuất nhỏ, bỏ qua giai

đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đương nhiên phải lâu dài và rất khó khăn. Đó là một thời kỳ cải biến cách mạng sâu sắc, toàn diện, triệt để nhằm xây dựng từ đầu một chế độ xã hội mới cả về lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng<sup>[1]</sup>. Đặc biệt, bước vào Đại hội VII Đảng ta đã xác định rõ nội dung của chặng đường đầu tiên thông qua đổi mới toàn diện, ổn định vững chắc xã hội, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau. Và khi kết thúc thời kỳ quá độ, chúng ta sẽ xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của CNXH. Như vậy, bước chuyển nhận thức quan trọng về thời kỳ quá độ xem đây là thời kỳ dài và đầy khó khăn, với nhiều chặng đường chứ không phải là bước chuyển thẳng với bốn, năm kế hoạch 5 năm là có thể kết thúc.

Khía cạnh thứ hai trong bước chuyển nhận thức về thời kỳ quá độ là từ việc xác định bỏ qua giai đoạn

phát triển tư bản chủ nghĩa (TBCN) đến xác định là bỏ qua chế độ TBCN với những nội hàm cụ thể tại Đại hội IX của Đảng. Văn kiện Đại hội IX khẳng định: [Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại<sup>(2)</sup>. Như vậy từ việc bỏ qua giai đoạn phát triển TBCN, đối lập chủ nghĩa tư bản (CNTB) với CNXH, đã nhìn nhận thời kỳ quá độ là bước chuyển có sự kế thừa, chúng ta bỏ qua thiết chế và thể chế bất công, áp bức, bóc lột, kế thừa có chọn lọc trên quan điểm phát triển các thành tựu của nhân loại nhằm phục vụ lợi ích đa số người dân. Bước chuyển nhận thức này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trong xác định các chính sách phát triển, huy động được các nguồn lực đa dạng cho công cuộc xây dựng CNXH trong bối cảnh mô hình CNXH kiểu cũ sụp đổ và xu thế toàn cầu hoá gia tăng mạnh mẽ.

Khía cạnh tiếp theo trong phát triển nhận thức về thời kỳ quá độ không chỉ xác định đó là thời kỳ lâu dài, với nhiều chặng đường và rất khó khăn, phức tạp, phải qua các hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính quá độ; mà trong bước quá độ ấy tồn tại đan xen, cạnh tranh quyết liệt giữa các nhân tố XHCN và phi XHCN; các nhân tố XHCN được hình thành và ngày càng lớn mạnh, các nhân tố phi XHCN tiếp tục tồn tại, đan xen, cạnh tranh, phát huy mặt tích cực đóng góp vào sự nghiệp phát triển chung dưới sự quản lý của nhà nước XHCN. Đây chính là cơ sở cho việc khẳng định chuyển sang phát triển nền kinh tế có nhiều hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế đa dạng cùng phát huy hiệu quả theo định hướng XHCN. Tại *Cương lĩnh 2011* (bổ sung, phát triển) đã chỉ rõ, đi lên CNXH: [là một quá trình cách mạng sâu sắc, triệt để, đấu tranh phức tạp giữa cái cũ và cái mới nhằm tạo ra sự biến đổi về chất trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, nhất thiết phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều bước phát triển, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội đan xen<sup>(3)</sup>. *Cương lĩnh* cũng xác định và làm sáng tỏ hơn về những nội dung phát triển trong thời kỳ quá độ lên CNXH, trong đó việc đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá cần gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo

vệ tài nguyên và môi trường; thực hiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần; xây dựng, phát triển văn hoá, con người, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. Thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Thực hiện xây dựng Đảng và hệ thống chính trị thực sự trong sạch, vững mạnh.

Phân kỳ thời kỳ quá độ có sự tiếp cận mới trên cơ sở thực tiễn phát triển của đất nước cũng như từ kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới. Đảng ta đã định hướng rõ đến năm 2025 là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp; đến năm 2030 là nước đang phát triển, với công nghiệp hiện đại, có thu nhập trung bình cao, tăng trưởng kinh tế dựa trên khoa học công nghệ (KHCHN), đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đến năm 2045 kỷ niệm 100 năm thành lập nước, Việt Nam trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, theo định hướng XHCN. Việc phân kỳ theo trình độ phát triển thể hiện bước tiếp cận mới, phù hợp với xu thế chung của thế giới và cũng cho phép xác định rõ, lượng hoá cụ thể hơn nhiệm vụ của mỗi giai đoạn phát triển của đất nước.

Đi liền nhận thức rõ về nội dung, nhiệm vụ, bước đi của thời kỳ quá độ, cần nhấn mạnh điều thể hiện sự sáng tạo của Đảng là nhận rõ các điều kiện khách quan và chủ quan thực hiện quá độ lên CNXH trong bối cảnh mới khi mà không còn hệ thống các nước XHCN để quyết tâm, tin tưởng và kiên định con đường đã lựa chọn. Thực tế sau khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu lâm vào khủng hoảng, không khỏi có những ý kiến băn khoăn về quá độ lên CNXH do không còn sự giúp đỡ bên ngoài từ các nước XHCN. Với bản lĩnh cách mạng, sáng tạo Đảng ta đã phân tích rõ tình hình, chỉ ra những điều kiện để chủ động, tiếp tục quá độ lên CNXH. *Cương lĩnh 1991* đã chỉ rõ các điều kiện như: chính quyền thuộc về nhân dân; đất nước đang đi vào giai đoạn hoà bình xây dựng; dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, có ý chí vươn lên mãnh liệt; nhân dân ta có lòng yêu nước nồng nàn, cần cù và sáng tạo; đất nước ta đã xây dựng được một số cơ sở vật chất ban đầu. Cuộc cách mạng KHCHN hiện đại, cùng với xu hướng quốc tế hoá đời sống kinh tế thế giới là một thời cơ để phát triển. Với niềm tin đó, Đảng đã chủ động tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, đặc biệt trong hoạt động

đối ngoại chủ động thực hiện chính sách hoà bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước, qua đó tạo môi trường cho phát triển, tranh thủ vốn, công nghệ và kinh nghiệm quản lý thực hiện phát triển rút ngắn, bỏ qua chế độ TBCN.

Tóm lại, nhận thức của Đảng về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam đã có những bổ sung, phát triển, từng bước hoàn thiện trên cơ sở thực tiễn phát triển của đất nước cũng như từ kinh nghiệm của thế giới. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam là quá độ gián tiếp, đó không chỉ là xu hướng tất yếu, là khát vọng của nhân dân và có cơ sở để thực hiện, song quá trình đó cũng lâu dài, khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải kiên trì, sáng tạo, không chủ quan, nóng vội, mà phải nắm bắt và tuân thủ các quy luật phát triển.

### **2. Nhận thức, xác định ngày càng rõ về mục tiêu, đặc trưng và phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.**

*Thứ nhất, nhận thức về mục tiêu phát triển.* Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước đi lên CNXH, với mong muốn tiến nhanh, tiến thẳng lên CNXH, chủ quan, nóng vội nên có những nhận định tình hình kinh tế, xã hội của đất nước có nhiều thiếu sót. Cũng vì vậy khi xác định mục tiêu phát triển và các bước quá độ trong xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH đã có những sai lầm. Chúng ta đã đẩy mạnh công nghiệp hoá khi chưa có đủ điều kiện, xác định mục tiêu phát triển với mong muốn cao, phi thực tế. Đại hội VI của Đảng với tinh thần "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" đã phân tích tình hình, đi đến nhận thức mới sát thực tiễn và lần đầu tiên xác định rõ mục tiêu tổng quát của chặng đường đầu tiên là: "Ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo"<sup>(4)</sup>. Đây chính là cơ sở cho điều chỉnh, xác định mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước trong những năm đầu đổi mới. Tiếp theo tinh thần này, Đại hội VII cụ thể hoá mục tiêu trong nhiệm kỳ và phần đầu "đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay". Cũng tại Đại hội này, với phân tích bối cảnh thế giới và trong nước, với tầm nhìn chiến lược, Đảng đã có sự phát triển trong xác định mục tiêu tổng quát của thời kỳ quá độ là xây dựng xong về cơ bản những cơ sở kinh tế của CNXH, với kiến trúc thượng tầng về

chính trị và tư tưởng, văn hóa phù hợp, làm cho nước ta trở thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh. Đồng thời *Cương lĩnh* 1991 cũng cụ thể hơn mục tiêu chặng đường đầu tiên là: "Thông qua đổi mới toàn diện, xã hội đạt tới trạng thái ổn định vững chắc, tạo thế phát triển nhanh ở chặng sau"<sup>(5)</sup>. So với Đại hội VI, xác định mục tiêu chặng đường đầu tiên tại *Cương lĩnh* 1991 có nội dung mới đề cập đến đổi mới toàn diện, hướng đến phát triển nhanh. Điều này hết sức quan trọng vì phải đổi mới toàn diện, mới có thể phát triển nhanh.

Nhận thức về mục tiêu hướng tới cũng có bước hoàn thiện, tại *Cương lĩnh* 1991 xác định: "Xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người"<sup>(6)</sup>, và đến Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII, Đảng ta xác định: "phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"<sup>(7)</sup>. Đến Đại hội IX, trong mục tiêu chung Đảng ta xác định: "Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"<sup>(8)</sup> và Đại hội X tiếp tục khẳng định tinh thần này. Như vậy mục tiêu dân chủ đã được bổ sung là hoàn toàn phù hợp thực tế khách quan bởi, một chế độ dân chủ, tất yếu sẽ có công bằng. Hơn nữa, trong bối cảnh mở cửa, hội nhập, dân chủ là một trong những giá trị lớn mà nhân loại theo đuổi, nó không chỉ là mục tiêu, mà là động lực phát triển của xã hội. Điều đáng lưu ý là, tại Đại hội XI, Đảng ta có nhận thức mới về vai trò, vị trí của các thành tố, với việc đưa thành tố dân chủ lên trên thành tố công bằng. Nếu không dân chủ sẽ không thể có công bằng, có dân chủ mới phát huy được sáng tạo của các cá nhân, trong xã hội dân chủ, con người có điều kiện phát triển toàn diện. Đại hội XI đã khái quát hệ mục tiêu là: "Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Với tiếp cận về trình độ phát triển và mục tiêu phát triển là vì con người, Đại hội XII đã đưa thành tố phồn vinh và hạnh phúc vào mục tiêu. Theo tinh thần này, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng trong bài viết nhân kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam đã khái quát mục tiêu hướng tới kỷ niệm 100 năm Ngày thành lập nước là: "phấn đấu đưa nước ta trở thành nước phát triển, thu nhập cao; xây dựng đất nước Việt Nam ta ngày càng "cuồng thịnh, phồn vinh, văn minh, hạnh phúc"<sup>(9)</sup>.

*Thứ hai nhận thức về các đặc trưng của xã hội XHCN mà Việt Nam hướng tới*

Trong giai đoạn trước đổi mới, đặc trưng cơ bản của xã hội XHCN mà Việt Nam hướng tới xây dựng có nhiều nét tương đồng với đặc trưng của mô hình CNXH kiểu cũ đối lập với mô hình TBCN. Về kinh tế đó là mô hình kế hoạch hoá tập trung dựa trên hai hình thức sở hữu toàn dân và tập thể; về chính trị đó là nhà nước chuyên chính vô sản, bên cạnh đó là hệ thống Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng; các hoạt động văn hoá, giáo dục, ý tế do nhà nước bao cấp, thực hiện phân phối bình quân theo chế độ tem phiếu. Quan hệ đối ngoại chịu ảnh hưởng của sự phân chia 2 hệ thống, nên chủ yếu là giao thương trong khối XHCN. Chính do cơ chế bao cấp đã không tạo được động lực cho người lao động, tình trạng dựa vào nhà nước là phổ biến. Việc kéo dài mô hình này là một trong những lý do cơ bản dẫn đến sự đổ vỡ của mô hình CNXH kiểu cũ.

Trước yêu cầu phát triển, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tổng kết các mô hình từ thực tiễn, đánh giá khái quát và đề xướng đường lối đổi mới với những nhận thức mới về đặc trưng của xã hội tương lai. Với sự đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, Đảng đã thực hiện chuyển đổi mô hình từ kế hoạch hoá sang phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần. Quá trình đổi mới trong lĩnh vực kinh tế đã tạo những cơ sở và thúc đẩy các lĩnh vực khác đổi mới cả trên bình diện lý luận và thực tiễn. Đây chính là cơ sở để đến Đại hội VII, trong *Cương lĩnh 1991* Đảng đã có khái quát những nhận thức mới về 6 đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân ta đang xây dựng. Các đặc trưng này phản ánh bản chất của CNXH khoa học, xã hội do con người, vì con người. Đó là xã hội: 1- Do nhân dân lao động làm chủ; 2- Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu; 3- Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; 4- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân; 5- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ; 6- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới<sup>(10)</sup>.

Mặc dù các đặc trưng trên chưa bao quát hết các khía cạnh cơ bản của chính thể xã hội, nhưng nó cũng phản ánh, cho thấy bước chuyển lớn trong nhận thức của Đảng về một xã hội mới. Thực ra, mô hình về một

xã hội tương lai do các nhà kinh điển đề xuất chỉ trên những nét phác thảo chung, hơn nữa bản thân các tác gia kinh điển cũng mới dựa trên nghiên cứu thực trạng xã hội phương Tây đương thời, chưa có khảo nghiệm các xã hội châu Á. Do vậy, xuất phát từ lý luận và thực tiễn phát triển, Đảng ta đã nêu 6 đặc trưng của xã hội mới - XHCN là một sự đóng góp rất có ý nghĩa vào lý luận về CNXH. Các đặc trưng này có những giá trị phổ quát như kinh tế phát triển cao, giải phóng con người khỏi áp bức, các dân tộc đoàn kết, hợp tác, đồng thời có những giá trị đặc thù đó là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Các đặc trưng này cũng mở ra xác định phương hướng cụ thể trong quá trình hiện thực hoá CNXH.

Sau 20 năm thực hiện *Cương lĩnh 1991*, năm 2011 đã có sự bổ sung, phát triển. Trong *Cương lĩnh 2011* khái quát làm rõ hơn những đặc trưng của xã hội XHCN. *Cương lĩnh 2011* nêu 8 đặc trưng, thể hiện sự phát triển và hoàn thiện hơn trong nhận thức của Đảng về CNXH. Thực ra trong quá trình xây dựng, phát triển CNXH, các đặc trưng đã từng bước hoàn thiện. Về *đặc trưng thứ nhất*: Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đây là một trong hai đặc trưng bổ sung mới, và cũng là đặc trưng bao trùm đồng thời cũng thể hiện mục tiêu hướng tới của công cuộc xây dựng CNXH. Mục tiêu - đặc trưng này đã từng bước được bổ sung hoàn thiện qua các kỳ Đại hội, từ Đại hội VII đến nay. Bổ sung đặc trưng này làm rõ hơn bản chất của CNXH mà ta xây dựng.

*Đặc trưng thứ hai*: Do nhân dân làm chủ. So với *Cương lĩnh 1991* nêu do nhân dân lao động làm chủ, thì đặc trưng này trong *Cương lĩnh (bổ sung, phát triển) 2011* nhận thức Đảng ta bao quát, rộng hơn. Nhân dân được hiểu là toàn thể dân tộc, không phân biệt giai cấp, tầng lớp, vị thế xã hội, dân tộc, tôn giáo cùng làm chủ, tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

*Đặc trưng thứ ba*: Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp. Đặc trưng này thể hiện sự phát triển trong nhận thức về các hình thức sở hữu trong nền kinh tế. Việt Nam chuyển sang phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, trong nền kinh tế này có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế cùng tồn tại, cạnh tranh phát triển dưới sự quản lý của Nhà nước và sự lãnh đạo của Đảng, chứ không chỉ bó hẹp trong chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ



yếu. Do vậy các nguồn lực sẽ được khai thác, phát huy tốt hơn.

*Đặc trưng thứ tư:* Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đây là đặc trưng thể hiện bản sắc văn hoá của xã hội mới, tiếp tục được khẳng định tại Đại hội X

*Đặc trưng thứ năm:* Con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện. Đặc trưng này so với đặc trưng thể hiện trong Cương lĩnh 1991 được biên tập gọn hơn, những vấn đề ý và là sự cụ thể hơn cho đặc trưng tổng quát đầu tiên. Con người có ấm no, tự do, hạnh phúc đương nhiên không bị áp bức mà là tự do, được ấm no đương nhiên khi có sự bảo đảm sinh kế và vì vậy cuộc sống sẽ hạnh phúc.

*Đặc trưng thứ sáu:* Các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển. Đặc trưng này phản ánh quyền của các dân tộc, quyền con người và vì vậy việc bổ sung yêu cầu được tôn trọng là cần thiết và hợp lý. Hơn nữa việc biên tập bỏ từ tương trợ để tránh lặp ý với sự giúp đỡ lẫn nhau là phù hợp.

*Đặc trưng thứ bảy:* Có Nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây là đặc trưng được bổ sung mới so với Cương lĩnh 1991. Trong thực tiễn xây dựng CNXH cũng như từ thực tiễn xây dựng, phát triển của các quốc gia trên thế giới cho thấy mô hình nhà nước pháp quyền là thành tựu phát triển về một mô hình nhà nước tiên bộ trong lịch sử nhân loại. Nhận thức rõ về vấn đề này, nên tại Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII Đảng ta dùng khái niệm nhà nước pháp quyền thay cho khai niệm nhà nước chuyên chính vô sản và khái niệm nhà nước pháp quyền XHCN đã được đưa vào Hiến pháp sửa đổi năm 2001. Đây chính là bước phát triển làm tiền đề cho khái quát các đặc trưng của xã hội XHCN. Bên cạnh đó, đặc trưng này còn nhấn mạnh thành tố Đảng Cộng sản lãnh đạo. Đây là yếu tố quyết định, thể hiện đặc trưng của mô hình CNXH ở Việt Nam, bảo đảm cho sự thành công của sự nghiệp xây dựng xã hội mới.

*Đặc trưng thứ tám:* Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới. Đặc trưng này cũng đã biên tập gọn và rõ hơn. Xã hội XHCN mà chúng ta xây dựng là một chế độ xã hội mở, hợp tác hữu nghị với các nước không phân biệt chế độ chính trị vì mục tiêu hoà bình và cùng phát triển. Đặc trưng này thể hiện quá

trình phát triển đất nước tất yếu phải gắn với dòng chảy phát triển chung của nhân loại; hội nhập toàn diện, sâu rộng với thế giới, [Sẵn sàng là bạn, đối tác tin cậy, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế] cùng hợp tác - đấu tranh xây dựng các giá trị tốt đẹp chung của nhân loại, thực hiện phương châm [kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại] trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Như vậy với việc xác định hệ 8 đặc trưng với những nội hàm rõ ràng, thể hiện một bước tiến rất quan trọng trong nhận thức của Đảng về mô hình CNXH, những nhận thức này là cơ sở để định hướng cho hoạt động xây dựng CNXH trên thực tế. Tám đặc trưng này cũng thể hiện rõ, CNXH mà nhân dân ta xây dựng là [một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người, chứ không phải vì lợi nhuận mà bóc lột và chà đạp lên phẩm giá con người<sup>(1)</sup>].

*Thứ ba, nhận thức về phương hướng xây dựng CNXH.*

Quá trình đổi mới đã dần định hình mô hình CHXN với những mục tiêu và đặc trưng được xác định ngày càng rõ như trên. Để hiện thực hóa CNXH qua các nhiệm kỳ Đại hội Đảng đều xác định các phương hướng cho mỗi giai đoạn nhất định gắn với nhiệm vụ đặt ra. Có thể thấy, nhận thức về phương hướng xây dựng CNXH ngày càng sát với thực tế, tính khả thi ngày càng cao. Tại Đại hội VI, Đại hội của đổi mới đã xác định rõ các định hướng nhằm khắc phục những hạn chế, sai lầm, hướng đến thực hiện thành công các nhiệm vụ trong chặng đường đầu tiên, đó là ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN ở chặng đường tiếp sau.

Đại hội VII đã thông qua *Cương lĩnh* xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH, trong đó xác định rõ 7 phương hướng cơ bản xây dựng CNXH, đưa nước ta trở thành nước XHCN phồn vinh<sup>(12)</sup>. Các phương hướng cơ bản bao hàm các lĩnh vực chủ yếu từ kinh tế, văn hoá, chính trị, đối ngoại và an ninh, quốc phòng. Có thể nêu khái quát như sau: 1- Về xây dựng nhà nước, hướng đến nhà nước XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; 2- Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá đất nước theo hướng hiện đại gắn với phát triển nền nông nghiệp toàn diện; 3- Phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo định hướng XHCN; 4- Tiến hành cuộc cách mạng XHCN

trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá; 5- Thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình hợp tác và hữu nghị với tất cả các nước; 6- Xây dựng và thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc; 7- Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Trên cơ sở các phương hướng cơ bản trên, trong các nhiệm kỳ Đại hội Đảng đều có sự phát triển cụ thể hoá phương hướng cho mỗi giai đoạn. Đại hội VIII đã xác định các phương hướng cho giai đoạn 1996 - 2000, mở đầu cho chặng đường mới là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đồng thời định hướng đến năm 2020. Đại hội IX cụ thể hoá các phương hướng cho giai đoạn 2001 - 2005 và xác định phương hướng kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 với nhiệm vụ đưa đất nước thoát khỏi tình trạng kém phát triển và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân.

Sau 20 năm thực hiện *Cương lĩnh* 1991 chúng ta đã giành được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, vị thế và uy tín trên trường quốc tế được nâng cao; sức mạnh tổng hợp của đất nước đã tăng lên rất nhiều, tạo tiền đề cho chúng ta phát triển mạnh mẽ hơn đi lên CNXH, với mục tiêu đến giữa thế kỷ XXI trở thành nước công nghiệp hiện đại, theo định hướng XHCN. Và với mục tiêu này, *Cương lĩnh* 2011 (bổ sung, phát triển) được thông qua tại Đại hội XI đã xác định rõ 8 phương hướng cơ bản xây dựng CNXH<sup>(13)</sup>.

*Về phương hướng thứ nhất*, xác định rõ hơn công nghiệp hóa, hiện đại hóa là gắn liền với kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên và môi trường. Bởi lẽ, các thành tựu của phát triển sẽ không còn ý nghĩa khi tăng trưởng lại dẫn đến ô nhiễm môi trường, hơn nữa quá trình hiện đại hoá phải gắn liền với thành tựu KHCN mới bảo đảm tính hiện đại.

*Phương hướng thứ hai*, thể hiện rõ hơn nhận thức của Đảng từ phát triển nền kinh tế hàng hoá sang phát triển nền kinh tế thị trường. Đây là một trong những sự phát triển sáng tạo nổi bật của Đảng ta.

*Phương hướng thứ ba*, thể hiện rõ và đầy đủ, toàn diện hơn, bao gồm cả định hướng phát triển văn hoá, con người và xã hội.

*Phương hướng thứ tư*, đề cập phát triển quốc phòng và an ninh quốc gia với tinh thần mới là phải bảo đảm vững chắc. Đây là điều kiện cho phát triển kinh tế.

*Phương hướng thứ năm*, đề cập đến định hướng đối ngoại với tinh thần và nhận thức mới, đó là đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, là chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

*Phương hướng thứ sáu*, đi liền nhân mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, trong *Cương lĩnh* 2011 bổ sung nội hàm xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

*Phương hướng thứ bảy*, nếu *Cương lĩnh* 1991 đề cập đến nhà nước XHCN của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân thì tại *Cương lĩnh* 2011 có bước phát triển trong nhận thức, xác định rõ là xây dựng nhà nước pháp quyền XHCN của nhân dân, do nhân dân vì nhân dân.

*Phương hướng thứ tám*, về xây dựng Đảng, biên tập gọn hơn, là xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Như vậy 8 phương hướng cơ bản xây dựng CNXH tại *Cương lĩnh* 2011 vẫn bảo đảm tinh thần các phương hướng xây dựng CNXH được xác định tại *Cương lĩnh* 1991, song có sự bổ sung, phát triển làm rõ hơn, phù hợp với bối cảnh tình hình mới, nhận thức mới; đồng thời sắp xếp các trật tự theo logic các lĩnh vực: kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây Đảng và hệ thống chính trị.

Trong hơn 10 năm qua, các Đại hội XII và XIII của Đảng đã bám sát 8 phương hướng cơ bản, cụ thể hoá và có bổ sung nhận thức mới. Chẳng hạn về công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng cơ cấu lại nền kinh tế mà còn xác định rõ phải dựa trên nền tảng KHCN và đổi mới sáng tạo. Về phương hướng xây dựng nền kinh tế thị trường hiện đại, đầy đủ và hội nhập quốc tế theo định hướng XHCN. Về văn hoá, con người phát triển toàn diện; văn hoá là nền tảng tinh thần, là sức mạnh nội sinh, là động lực phát triển. Trong bảo vệ Tổ quốc xác định rõ quan điểm chiến lược: bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy□

### 3. Phát triển nhận thức về các mối quan hệ lớn trong tiến trình đổi mới

Sau khi giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, cả nước cùng tiến lên xây dựng CNXH, nhiệm vụ lúc này là khắc phục hậu quả chiến tranh và xây dựng, phát triển kinh tế. Để thực hiện tốt các định hướng phát triển kinh tế xã hội và quốc phòng an ninh, đối ngoại, đòi hỏi phải giải quyết nhiều vấn đề, nhiều mối quan hệ. Tuy lúc này chưa nêu cụ thể hệ thống các mối quan hệ lớn, nhưng trong nhận thức Đảng đã xác định phải xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa *tích*

lực và tiêu dùng, phải kết hợp đúng đắn kinh tế với quốc phòng, quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất luôn luôn gắn bó với nhau, thúc đẩy nhau cùng phát triển. Bước vào thời kỳ đổi mới Đảng ta tiếp tục yêu cầu phải quán triệt và giải quyết các mối quan hệ, đặc biệt tại Đại hội VII, Đảng nêu những kinh nghiệm bước đầu trong đổi mới, đề cập đến mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, mối quan hệ giữa Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân, mối quan hệ giữa phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước<sup>(14)</sup>. Có thể nói đây là những bước phát triển nhận thức rất quan trọng về các mối quan hệ, để tiến tới có sự khái quát rõ và ngày càng đầy đủ.

Tại Đại hội VIII Đảng ta đã có nhận thức mới, làm rõ hơn mối quan hệ giữa đổi mới và ổn định, xem việc kết hợp giữa đổi mới và ổn định là một trong những bài học chủ yếu trong tiến trình đổi mới cần được tiếp tục phát huy. Đổi mới phải trên cơ sở bảo vệ, kế thừa và phát huy truyền thống, không phủ định sạch trơn quá khứ.

Về quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị, nhận thức của Đảng cho rằng, cần kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu, lấy đổi mới kinh tế là trọng tâm, đồng thời thực hiện từng bước đổi mới chính trị cho phù hợp. Đây là nhận thức rất sáng tạo nhằm bảo đảm cho quá trình đổi mới có hiệu quả. Khác với Việt Nam, Liên Xô đã thực hiện cải cách với liệu pháp sốc, cải cách ngay cả nền tảng chính trị làm suy yếu cơ sở xã hội của Đảng. Đây chính là yếu tố góp phần đẩy nhanh sự sụp đổ của mô hình CNXH kiểu cũ ở Liên Xô và Đông Âu.

Về quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN, Đảng ta cho rằng đây là quan hệ nền tảng và chủ trương tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN; trong xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần phải nắm vững định hướng XHCN. Đối với quan hệ giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất hướng đến xây dựng quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Trong mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với văn hoá, xã hội đã bổ sung thành tố môi trường và xác định: tăng trưởng kinh tế gắn với cải thiện đời sống nhân dân, phát triển văn hoá giáo dục, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

Các Đại hội IX và X đều nhấn mạnh yêu cầu phải giải quyết tốt các mối quan hệ và có những bổ sung vào yêu cầu. Đặc biệt Đại hội XI đã có sự khái quát và lần đầu tiên nêu hệ thống 8 mối quan hệ lớn, bao quát các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội<sup>(15)</sup>. Nhận thức của Đảng ta về các mối quan hệ tiếp tục được bổ sung hoàn thiện tại Đại hội XII với việc bổ sung mối quan hệ nhà nước và thị trường. Đến Hội nghị TW 5 khoá XII bổ sung thành tố xã hội thành mối quan hệ nhà nước, thị trường và xã hội; cùng với đó điều chỉnh tên gọi và nội hàm quan hệ giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN thành quan hệ giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng XHCN trong từng giai đoạn phát triển.

Đại hội XIII tiếp tục có những bổ sung mới trong nhận thức về các mối quan hệ. Một là, bổ sung mối quan hệ giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Hai là, có sự điều chỉnh vị trí giữa đổi mới, ổn định và phát triển thành ổn định, đổi mới và phát triển; điều chỉnh mối quan hệ giữa [xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa] thành quan hệ giữa [xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa] điều chỉnh mối quan hệ giữa [Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ] thành quan hệ [Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân làm chủ].

Như vậy có thể thấy, nhận thức về các mối quan hệ cũng như nội hàm trong các mối quan hệ lớn của Đảng ta là quá trình liên tục, ngày càng hoàn thiện. Cho đến Đại hội XIII hệ thống 10 mối quan hệ lớn<sup>(16)</sup> đã được nhận thức. Đây là những mối quan hệ lớn do tầm ảnh hưởng và bao quát của các mối quan hệ, và bản thân trong mỗi quan hệ lớn cũng bao chứa các quan hệ nhỏ cần được nhận thức xử lý. Đây là sự phát triển lý luận đặc sắc trên cơ sở tổng kết quá trình đổi mới của Đảng ta. Hệ thống mười mối quan hệ lớn phản ánh các quy luật mang tính biện chứng dẫn dắt hoạt động thực tiễn xây dựng CNXH.

#### **4. Ý nghĩa thực tiễn của đổi mới lý luận đối với thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc**

Trải qua gần 40 năm đổi mới đi lên CNXH, thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc từ một đất nước nghèo nàn, bị chiến tranh tàn phá nặng nề, Đảng Cộng sản Việt Nam, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã có những

sáng tạo, phát triển lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với hoàn cảnh Việt Nam. Điều này có thể tóm tắt trên các khía cạnh chính sau: *Thứ nhất*, sự sáng tạo thể hiện trong nhận thức rõ hơn nội dung của thời kỳ quá độ, xác định rõ nội dung kế thừa và bỏ qua đối với chủ nghĩa tư bản, cũng như làm rõ những điều kiện để Việt Nam có thể bỏ qua CNTB đi lên CNXH trong điều kiện ngày nay. *Thứ hai*, trên cơ sở đánh giá tình hình thế giới và khu vực cũng như khả năng thực tế của Việt Nam gắn với khát vọng phát triển của toàn dân tộc, Đảng đã xác định rõ mục tiêu, đặc trưng cụ thể và ngày càng hoàn thiện về xã hội XHCN mà Việt Nam hướng tới xây dựng; đồng thời chỉ rõ những phương hướng cơ bản trong quá trình xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc. *Thứ ba*, sự khái quát mười mối quan hệ lớn là sự phát triển lý luận trên cơ sở tổng kết quá trình đổi mới của Đảng ta. Hệ thống mười mối quan hệ lớn tạo thành một chỉnh thể tương đối đầy đủ, phản ánh các quy luật mang tính biện chứng dẫn dắt hoạt động thực tiễn xây dựng CNXH.

Những sáng tạo lý luận trên có ý nghĩa rất quan trọng đối với thực tiễn triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc:

*Một là*, CNXH và con đường đi lên CNXH có nhiều nội dung, mỗi nội dung có quy luật phát triển riêng, gắn với thực tiễn lịch sử từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Những nội dung cốt lõi thể hiện sáng tạo lý luận của Đảng ta về CNXH và con đường đi lên CNXH đã và đang từng bước góp phần, bổ sung vào hoàn thiện lý luận về đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam, bổ sung làm giàu thêm lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên CNXH. Với những sáng tạo đó đã định hình mô hình CNXH Việt Nam với mục tiêu, đặc trưng, phương hướng cùng các mối quan hệ lớn có tính quy luật trên bước đường hiện thực hoá CNXH.

*Hai là*, những sáng tạo lý luận về công cuộc đổi mới, phát triển đất nước khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng. Sự sáng tạo bảo đảm cho sự lãnh đạo của Đảng phù hợp với quy luật, bảo đảm sự thắng lợi của công cuộc đổi mới.

*Ba là*, đây là cơ sở rất quan trọng cho hình thành đường lối đúng đắn. Những sáng tạo đột phá về lý luận trên các lĩnh vực trực tiếp là cơ sở xây dựng đường lối đổi mới của Đảng. Thực tế chúng ta đã lúng túng, thậm

chí mắc sai lầm trong xác định các chủ trương lớn về phát triển đất nước do dựa trên nền tảng nhận thức lý luận về CNXH và con đường đi lên CNXH theo mô hình cũ. Với những nhận thức mới, cho phép chúng ta xác định phù hợp hơn đặc trưng, phương hướng cũng như phương cách xây dựng xã hội mới.

*Bốn là*, những sáng tạo lý luận được vận dụng và thể chế hoá thành các luật, chính sách cụ thể sẽ trực tiếp góp phần vào thúc đẩy quá trình thực hiện kết hợp hai nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc tốt hơn trong thực tiễn. Trước hết những thể chế phát triển mới cho phép huy động nguồn lực, tạo cơ chế cho phát triển mạnh mẽ nền kinh tế, tạo nguồn lực cho quốc phòng. Bên cạnh đó những đổi mới nhận thức về quốc phòng an ninh và đối ngoại góp phần giúp chúng ta chủ động hơn và kết hợp tốt hơn trong thực hiện đồng thời hai nhiệm vụ cũng như cho phép sử dụng hợp lý hơn các nguồn lực trong điều kiện cụ thể của đất nước ta.

*Năm là*, những sáng tạo lý luận minh chứng và làm sáng rõ con đường phát triển của Việt Nam, trực tiếp phản bác các luận điệu xuyên tạc về con đường Việt Nam lựa chọn, tạo niềm tin và quy tụ sức mạnh trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc./.

*\*Đây là sản phẩm của đề tài cấp Nhà nước: Những vấn đề lý luận và thực tiễn xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc qua 50 năm thống nhất, đi lên chủ nghĩa xã hội. Mã số: KX.04.03/21-25.*

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam (1987), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, tr.41.

(2), (4), (5), (6), (7), (8), (11), (12) Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới* (Đại hội VI, VII, VIII, IX), Nxb. Chính trị quốc gia, H., tr.634, 42, 318, 317, 405, 635, 315-316, 316 - 318.

(3), (13), (15) Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., tr.70, 72, 72 - 73.

(9) Bài viết nhân kỷ niệm 94 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam của Tổng Bí Thư Nguyễn Phú Trọng, <https://vov.vn/ch>, ngày 13/1/2024.

(11) Nguyễn Phú Trọng (2022), *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, H., tr.21.

(14) Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., T.45, tr. 262.

(16) Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, H., tr.39.